

Bản án số: 05/2021/HNGĐ-ST

Ngày 11-5-2021

V/v tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung
và cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Kiên

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hữu Tiến;

Bà Đinh Thị Kiều Nhung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Lệ Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 337/2020/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2020 về tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 07/2021/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh DTA; địa chỉ: Số nhà 44, đường A, phường B, quận C, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- Bị đơn: Chị DTH; địa chỉ: Số nhà 44, đường A, phường B, quận C, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 02-11-2020, bản tự khai, các biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn (anh DTA) trình bày:

Về quan hệ vợ chồng: Tôi (DTA) và chị DTH xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn tại UBND phường B, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng vào ngày 01-12-2006. Trong quá trình chung sống, vợ chồng tôi phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai bên không hợp nhau về tính cách và bất đồng về quan điểm sống quá sâu

sắc. Tháng 7 năm 2020 tôi đã khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng giải quyết ly hôn với cô DTH nhưng vì muốn hai bên tiếp tục hòa giải với nhau để xây dựng gia đình tốt hơn nên tôi đã rút đơn khởi kiện. Nhưng sau đó thì vợ chồng tôi vẫn không thể cải thiện được tình cảm và tiếp tục nảy sinh nhiều mâu thuẫn trầm trọng hơn. Vợ chồng không có tiếng nói chung và thật sự không còn tình cảm với nhau nên không thể tiếp tục chung sống được nữa. Do vậy, tôi (DTA) lại có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn với cô DTH theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Tôi và cô DTH có hai con chung là D, sinh ngày 27-6-2007 và E, sinh ngày 02-3-2015. Ly hôn, tôi yêu cầu được nuôi cả hai con và không yêu cầu cô DTH phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tôi và cô DTH tự thỏa thuận phân chia tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án phải giải quyết.

Tại Đơn trình bày đề ngày 21-12-2020, biên bản làm việc ngày 21-01-2021 và các biên bản hòa giải ngày 10-3-2021 và ngày 02-4-2021, bị đơn (chị DTH) trình bày: Tôi (DTH) và anh DTA xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn tại UBND phường B, quận C, thành phố Hải Phòng vào năm 2006. Quá trình vợ chồng chung sống có phát sinh mâu thuẫn nên tháng 7-2020 anh DTA đã có đơn đề nghị giải quyết ly hôn nhưng đến tháng 9-2020 anh DTA đã rút yêu cầu khởi kiện. Tôi mong muốn anh DTA tiếp tục rút yêu cầu khởi kiện để vợ chồng tiếp tục hòa giải. Từ thời điểm anh DTA rút đơn ly hôn thì anh DTA làm nghề tự do vẫn đi về trong gia đình để làm tròn nghĩa vụ với gia đình nhưng vợ chồng tôi không còn tình cảm với nhau, không trao đổi với nhau về công việc làm ăn và cuộc sống. Anh DTA có quan hệ ngoài luồng nên việc tình cảm giữa hai vợ chồng không còn và không cải thiện được. Tôi (DTH) muốn gia đình đoàn tụ, các con có đủ cả bố và mẹ nên tôi không đồng ý ly hôn với anh DTA. Tôi biết anh DTA có nhiều mối quan hệ ngoài xã hội nhưng tôi sống với anh DTA là vì con cái. Nhưng nếu trường hợp ly hôn thì tôi không nhận nuôi con mà đề nghị Tòa án giải quyết giao cho anh DTA trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung là D, sinh ngày 27-6-2007 và E, sinh ngày 02-3-2015 cho đến khi các con thành niên và tôi (DTH) cũng không có điều kiện để cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tôi và anh DTA tự thỏa thuận phân chia tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án phải giải quyết.

Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng phát biểu ý kiến:

Về thẩm quyền thụ lý giải quyết vụ án của Tòa án, tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, việc thu thập chứng cứ của Tòa án đều tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết và tại phiên tòa của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đều đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Sự tuân thủ chấp hành pháp luật của nguyên đơn đảm bảo đúng quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của đương sự, bị đơn chưa tuân thủ đúng quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của đương sự.

Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

- Về quan hệ vợ chồng: Anh DTA được ly hôn với chị DTH.
- Về con chung: Giao cho anh DTA trực tiếp nuôi hai con là D, sinh ngày 27-6-2007 và E, sinh ngày 02-3-2015. Khoản tiền cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn do hai bên không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.
- Về tài sản: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về án phí: Anh DTA phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa, Tòa án đã tiến hành tổng đạt và triệu tập hợp lệ đối với bị đơn (chị DTH) nhưng bị đơn vẫn vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[2] Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật có tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn, nuôi con chung sau khi ly hôn đối với bị đơn có địa chỉ cư trú tại phường B, quận C nên yêu cầu khởi kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng theo quy định tại Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh DTA và chị DTH kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký việc kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường F (nay đổi là phường B), quận C, Hải Phòng theo đúng quy định của pháp luật (Giấy chứng nhận kết hôn số 69, ngày 01-12-2006).

[4] Nguyên đơn (anh DTA) trình bày: Quá trình vợ chồng chung sống phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do không hợp nhau về tính cách và bất đồng trong quan điểm sống quá sâu sắc. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và không có khả năng khắc phục. Vợ chồng không còn quan tâm đến nhau và không còn quan hệ tình cảm với nhau nữa. Tháng 7-2020 anh DTA đã khởi kiện yêu cầu ly hôn nhưng vì mong muốn vợ chồng cùng chung sống đoàn tụ để nuôi dạy các con được tốt hơn nên đến tháng 9-2020 anh DTA đã rút đơn khởi kiện. Tuy nhiên sau đó vẫn không cải thiện được quan hệ vợ chồng và mâu thuẫn xảy ra ngày càng trầm trọng hơn, vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống quá sâu sắc và không còn quan tâm đến nhau trong công việc và cuộc sống. Xét thấy tình cảm thực sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh DTA yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị DTH.

[5] Về phía bị đơn trình bày và xác nhận mâu thuẫn vợ chồng như nguyên đơn trình bày và cũng xác nhận về việc vợ chồng không có biện pháp gì để cải

thiện quan hệ vợ chồng kể từ khi nguyên đơn rút đơn khởi kiện. Bị đơn xác nhận vợ chồng không còn tình cảm với nhau, không có sự chia sẻ, động viên nhau trong công việc và cuộc sống. Bị đơn mong muốn nguyên đơn tiếp tục rút đơn khởi kiện và yêu cầu được đoàn tụ với nguyên đơn vì mong muốn cho các con có được cuộc sống đảm bảo. Tuy nhiên bị đơn lại có ý kiến trong trường hợp ly hôn thì bị đơn không nhận nuôi con và cũng không có điều kiện để cấp dưỡng nuôi con.

[6] Xét thấy, ý kiến của bị đơn yêu cầu được chung sống đoàn tụ nêu trên không xuất phát từ mong muốn vợ chồng được thương yêu nhau để cùng xây dựng gia đình hạnh phúc, tự nguyện và tiến bộ. Bị đơn xác nhận giữa bị đơn và nguyên đơn không còn tình cảm với nhau và không quan tâm đến nhau trong công việc và cuộc sống. Kể từ khi nguyên đơn rút đơn ly hôn (tháng 9-2020) đến nay thì hai cũng không có biện pháp gì để cải thiện quan hệ vợ chồng. Lý do bị đơn không đồng ý ly hôn là vì mong muốn các con có được cuộc sống đảm bảo và tốt hơn nhưng sau đó bị đơn lại có ý kiến trong trường hợp ly hôn thì bị đơn không nhận nuôi con và cũng không có điều kiện để cấp dưỡng nuôi con. Do vậy cần xác định mâu thuẫn trong quan hệ vợ chồng giữa anh DTA và chị DTH đã đến mức trầm trọng, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau và không còn tình cảm đối với nhau, mục đích của hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ và phù hợp với quy định tại các Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên đã có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; xử: nguyên đơn (anh DTA) được ly hôn với bị đơn (chị DTH).

[7] Về con chung: Các đương sự đều xác nhận có hai con chung là D, sinh ngày 27-6-2007 và E, sinh ngày 02-3-2015. Nguyên đơn yêu cầu được nuôi cả hai con và không yêu cầu bị đơn phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng. Bị đơn nêu ý kiến trong trường hợp ly hôn thì bị đơn không nhận nuôi con và cũng không có điều kiện để cấp dưỡng nuôi con.

[8] Hội đồng xét xử xét thấy: Nguyên đơn và bị đơn đều đã thống nhất có ý kiến về việc để nguyên đơn được nuôi cả hai con. Tại đơn đề nghị đề ngày 12-3-2021 cháu D có nguyện vọng muốn được sinh sống cùng bố, còn cháu E hiện chưa đủ 7 tuổi. Xét thấy cần giao cho anh DTA trực tiếp nuôi cả hai con chung là phù hợp với nguyện vọng của con chung và đảm bảo được quyền lợi của các con chung. Bởi vậy, cần giao cho anh DTA trực tiếp nuôi dưỡng hai con là D và E là phù hợp với thực tế và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[9] Về cấp dưỡng nuôi con: Do nguyên đơn không có yêu cầu và bị đơn có ý kiến không có điều kiện để đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không xem xét giải quyết. Trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ việc khác theo thủ tục tố tụng dân sự.

[10] Về tài sản chung: Các đương sự đều không có yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[11] Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Anh DTA phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; xử:

- Về quan hệ vợ chồng: Anh DTA được ly hôn với chị DTH.

- Về con chung: Giao cho anh DTA trực tiếp nuôi dưỡng hai con là D, sinh ngày 27-6-2007 và E, sinh ngày 02-3-2015. Thời hạn nuôi con cho đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo qui định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn do không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Nguyên đơn (anh DTA) phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) đã nộp khi khởi kiện tại biên lai ký hiệu AA/2016, số 0010152, ngày 11-12-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng; anh DTA đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TP.Hải Phòng;
- VKSND quận Hồng Bàng;
- Chi cục THADS quận Hồng Bàng;
- UBND phường B;
- Dương sự;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Quang Kiên